**Mẫu số 10**

**Tên tổ chức, cá nhân: ………………………………………….**

**Địa chỉ: ………………………………………………………….**

**Mã số thuế: …………………………………………………..**

**BẢNG KÊ TỜ KHAI, SỐ TIỀN THUẾ NHẬP KHẨU ĐÃ NỘP CỦA NGUYÊN LIỆU, VẬT TƯ, LINH KIỆN ĐỂ SẢN XUẤT, GIA CÔNG (LẮP RÁP) SẢN PHẨM CNHT ƯU TIÊN PHÁT TRIỂN ĐÃ ĐĂNG KÝ THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH**

*Kỳ báo cáo: từ ngày .... đến ngày ....*

Ngày đăng ký tham gia Chương trình (ngày Chi cục Hải quan tiếp nhận): ………………………………………………….

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chi cục Hải quan tiếp nhận tờ khai** | **Số tờ khai** | **Mã loại hình tờ khai** | **Ngày đăng ký tờ khai** | **Tên nguyên liệu, vật tư, linh kiện NK** | **Đơn vị tỉnh** | **Mã số HS hàng hóa** | **Tồn đầu kỳ** | **Nhập khẩu trong kỳ** | **Lượng NL,VT, LK NK sử dụng để GC, SX sản phẩm CNHT đề nghị hoàn thuế trong kỳ** | **Xuất kho khác** | **Tồn cuối kỳ** | **Số tiền thuế NK đề nghị hoàn** |
| **GC, SX sản phẩm đã bán cho DN sản xuất, lắp ráp ô tô trong kỳ** | **GC, SX sản phẩm đã sử dụng để lắp ráp ô tô trong kỳ** |
| **Mã** | **Tên** | **Số lượng** | **Tiền thuế NK đã nộp** | **Số lượng** | **Tiền thuế NK đã nộp** | **Số lượng** | **Tiền thuế NK đã nộp** | **Số lượng** | **Tiền thuế NK đã nộp** | **Số lượng** | **Tiền thuế NK đã nộp** | **Số lượng** | **Tiền thuế NK đã nộp** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) | (18) | (19) | (20)=(10)+(12)-(14)-(16)-(18) | (21)=(11)+(13)-(15)-(17)-(19) | (22)=(15) + (17) |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **NGƯỜI LẬP***(Ký, ghi rõ họ tên)* | ..................., *ngày …. tháng … năm 202…***NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP***(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)* |

***Ghi chú:***

- Cột (6) “Mã”: Mã linh kiện do doanh nghiệp tự mã hóa để theo dõi, quản lý

- Đơn vị tính tiền thuế: VNĐ

- Cột (10), (12): Kê khai đối với nguyên liệu, vật tư, linh kiện có tờ khai nhập khẩu đăng ký từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

- Cột (20): Tồn kho cuối kỳ bao gồm cả NL, VT, LK nhập khẩu cấu thành trong sản phẩm dở dang và sản phẩm hoàn thiện còn tồn kho.